TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG HÒA** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2025/DS-ST
Ngày 17/01/2025
V/v Tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phùng Thị Mến;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Văn Chung và ông Giáp Văn Cương.

Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thư Viện - Thư ký Toà án huyện Quảng Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 17/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 26/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc: "Tranh chấp đòi tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐXXST-DS ngày 13/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1571/QĐST-DS ngày 30/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/QĐST-DS ngày 10/01/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hà Văn N, sinh năm 1995; có mặt.

Địa chỉ: Xóm B, xã V, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nông Văn S - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ma Văn D, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Xóm N, xã M, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Anh D vắng mặt không có lý do (đã triệu tập hợp lệ hai lần).

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Hà Văn D1, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Xóm B, xã V, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

2. Tô Văn C, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Anh C có mặt, anh D1 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- ***Người làm chứng:*** Mông Văn T, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm Đ, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Có đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2024, bản tự khai ngày 11/11/2024 và các lời khai tiếp theo ở Toà án ***nguyên đơn Hà Văn N trình bày***: Do quen biết từ trước, tôi và Ma Văn D cùng làm ăn chung là buôn bán trâu, bò, ngựa, hàng hóa … . Do tin tưởng nên hai bên không làm hợp đồng bằng văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói và hành vi. Từ tháng 12/2023 đến tháng 6/2024, trong quá trình cùng hợp tác buôn bán chung, tôi đã bỏ tiền vốn ra để thu mua trâu, bò, ngựa từ người dân rồi chuyển đến giao tại nhà anh D; sau đó D bán lại cho người khác tại nhà D hoặc mang ra chợ bán. Khi giao trâu, ngựa cho D thì hai bên cùng thực hiện việc cân trọng lượng và đếm số lượng để chốt số tiền vốn mà N đã bỏ ra mua hàng, sau khi bán được trâu, bỏ, ngựa thì D có nghĩa vụ thanh toán cho tôi số tiền gốc vốn và cùng nhau chia số tiền lãi, tiền lỗ. Từ tháng 12/2023 đến tháng 6/2024, khi thanh toán số tiền vốn và tiền lãi thì Ma Văn D đã thanh toán cho tôi bằng hình thức trả tiền mặt và chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của tôi thông qua giao dịch tại Ngân hàng. Đến nay, anh D chưa trả đủ cho tôi số tiền vốn và lãi của các chuyến hàng đã mua, bán; cụ thể:

- Ngày 15/12/2023 D bán trâu, sau khi chia nhau vốn và lãi, vốn còn 5.700.000 đồng D chưa trả cho tôi.

- Ngày 12/01/2024 số tiền bán ngựa lỗ mỗi người 9.875.000 đồng, D chưa trả cho tôi.

- Ngày 06/4/2024 số tiền bán ngựa lỗ mỗi người 1.689.000 đồng, D chưa trả cho tôi.

- Ngày 06/4/2024 mua một con ngựa giá 24.500.000 đồng, D bán được ngựa chưa trả cả gốc và lãi cho tôi.

Ngoài ra, Ma Văn D gọi điện thoại vay tiền tôi hai lần với mục đích để trả lãi Ngân hàng, thời hạn vay không xác định thời hạn, tôi đã chuyển tiền cho D vay bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của D thông qua giao dịch tại Ngân hàng, cụ thể:

- Ngày 18/4/2024, D vay số tiền 4.000.000 đồng.

- Ngày 25/6/2024, D vay số tiền 500.000, đồng.

Quá trình cùng nhau buôn bán trâu, bò, ngựa có anh Tô Văn C tham gia cùng ngay từ đầu; còn anh Hà Văn D1 tham gia buôn bán chung chuyến hàng ngày 12/01/2024. Giữa tôi và anh D1, anh C đã giải quyết lỗ, lãi với nhau sòng phẳng.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn Ma Văn D trả số tiền **46.264.000đ** (Bốn mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn đồng), không yêu cầu anh D trả lãi suất phát sinh.

Tại bản tự khai ngày 11/11/2024 và các lời khai tiếp theo ở Toà án ***bị đơn Ma Văn D trình bày***: Tôi và anh N có quan hệ quen biết, tôi không vay tiền N mà được mua ngựa với N về bán, còn N lấy trâu với tôi đi bán lại; việc mua bán, trao đổi đã thanh toán đầy đủ từng lần. Nay giải trình đối với yêu cầu khởi kiện của anh N như sau:

- Ngày 15/12/2023, tôi không được vay anh N số tiền 5.700.000đ và ngày 25/6/2024 vay 500.000đ;

- Tháng 01/2024 có 04 người (tôi, N, C và D1) góp tiền buôn bán chung 01 chuyến hàng 05 con ngựa bị lỗ gần 10.000.000đ, lỗ do người Trung Quốc không trả tiền.

- Ngày 06/4/2024 không có khoản tiền âm 1.460.000đ và tôi cũng không được mua bán con ngựa 25.000.000đ như anh N khai.

- Ngày 18/4/2024 N chuyển cho tôi 4.000.000đ do mua trâu không đủ tiền, sau khi bán đã chia nhau cả gốc và lãi, tôi đã trả lại số tiền trên cho N.

- Số tiền 24.500.000đ thì ngày 19/4/2024 tôi đã mang đi mua 02 con trâu với giá hơn 23 triệu đồng; C chở ngựa ra nhà tôi rồi tôi thuê Mông Văn T trở 02 con trâu đi cho N và C, số tiền còn hơn 1 triệu đã đưa cho T cầm đi cho N và C.

- Tôi được nhận 500.000đ để trả tiền cước xe chở trâu, không nhớ thời gian nhận.

Quá trình làm ăn chung có tôi, anh D, anh D1 và anh C cùng làm và chia nhau lỗ, lãi. Hiện tại tôi không nợ anh N khoản tiền nào, chỉ có 01 lần mang ngựa sang Trung Quốc lỗ hơn 49 triệu là chưa giải quyết sòng phẳng với nhau.

Nay anh N yêu cầu tôi trả số tiền 46.264.000đ, tôi không nhất trí.

Tại bản tự khai ngày 19/11/2024 và các lời khai tiếp theo ở Toà án ***người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Tô Văn C trình bày***: Tôi và anh N là anh em họ, D là người quen biết. Tôi tham gia buôn bán với D, N từ cuối năm 2023, đã buôn bán với D và Nghị 15 lần. Khi buôn bán tôi và anh N bỏ vốn, lỗ lãi chia đều cho 03 người (trừ ngày 12/01/2024 buôn chung có thêm anh D1 tham gia, nên lỗ, lãi chia 04). Quá trình buôn bán chung tôi chưa chở trâu, ngựa từ xã M (từ nhà của D) vào H bán lần nào. Quá trình buôn bán lỗ lãi mỗi lần Nghị tính toán và đã tính sòng phẳng với tôi nên tôi không có yêu cầu gì.

- Tại bản tự khai ngày 19/11/2024 và các lời khai tiếp theo ở Toà án ***người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hà Văn D1 trình bày*:** Nghị là cháu trong họ của tôi, còn D tôi không quen biết. Ngày 12/01/2024 tôi được tham gia buôn bán cùng N và D 01 lần. Nghị nhờ tôi lái xe chở ngựa mang sang nhà anh D bán, tôi

được bỏ vốn 50 triệu đồng tham gia buôn bán, sau khi bán xong N đã trả lại gốc 50 triệu cho tôi và báo chuyến đó lỗ nên tôi không được chia gì thêm. Sau khi N hạch toán và tính số lỗ lãi, tôi đã trả tiền lỗ cho N 9.875.000 đồng, hai bên đã giải quyết sòng phẳng với nhau, nay tôi không có yêu cầu gì.

Tại bản tự khai ngày 22/11/2024 và biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2024 ***người làm chứng Mông Văn T trình bày***, tôi quen biết anh D, anh N và anh C ngoài xã hội. Gia đình tôi có chiếc xe thùng tải để chở hàng hóa, thỉnh thoảng có được chở trâu, ngựa cho các anh D, N, C từ H ra nhà anh D và chở ngược lại từ nhà anh D vào nhà anh C ở huyện H, mỗi chuyến được trả tiền công 600.000đ - 700.000đ; cách đây khoảng 4 - 5 tháng tôi có được chở một cặp trâu từ nhà anh D vào nhà anh C, anh D đưa cho tôi số tiền 1.800.000đ triệu bảo tôi đưa cho anh C, tôi trừ cước vận chuyển 600.000 đồng, còn lại đưa cho cường 1.200.000 đồng. Tôi cam đoan lời khai của mình là đúng sự thật. Do bận việc gia đình nên tôi đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án các cấp.

Tại bản luận cứ bảo vệ ngày 10/01/2025 của ***Trợ giúp viên pháp lý - ông Nông Văn S bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày***: Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn thì giữa nguyên đơn và bị đơn cùng buôn bán trâu, bò, ngựa chung; trong quá trình buôn bán chung, bị đơn Ma Văn D chưa thanh toán tiền đủ cho nguyên đơn, cụ thể:

Ngày 15/12/2023 mua, bán 5 con ngựa bị đơn thanh toán thiếu số tiền 5.700.000 đồng; ngày 12/01/2024 mua, bán 11 con ngựa bị đơn thanh toán thiếu số tiền 13.000.000 đồng và ngày 06/4/2024 mua, bán 3 con ngựa bị đơn D thanh toán thiếu số tiền 26.460.000 đồng. Bên bán và bên mua có thỏa thuận bằng lời nói và hành vi thực hiện hợp đồng, bên bán Hà Văn N đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ vận chuyển, giao nhận hàng theo số lượng và chất lượng đã thỏa thuận, bên mua đã kiểm tra và đồng ý nhận hàng chốt số lượng và giá cả, số tiền phải trả; có các chứng cứ chứng minh: Sổ ghi chép của nguyên đơn Hà Văn N tại các bút lục từ 34 đến 37; lời khai thừa nhận đã nhận hàng của bị đơn và lời khai làm chứng của người lái xe vận chuyển ngựa. Do đó, căn cứ các Điều 440, 357 và 648 Bộ luật dân sự, buộc bị đơn Ma Văn D có trách nhiệm phải cho nguyên đơn số tiền: 42.035.000 đồng và lãi suất 10% /năm đối với số tiền chậm trả kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, qua tin nhắn điện thoại, tin nhắn Zalo của nguyên đơn Hà Văn N và sổ phụ do Ngân hàng A chi nhánh huyện H cung cấp cho thấy, ngày 18/4/2024 và ngày 25/6/2024 bị đơn Ma Văn D có vay tiền của nguyên đơn Hà Văn N 02 lần với tổng số tiền 4.500.000 đồng; nội dung các tin nhắn về việc đốc thúc trả tiền của Hà Văn N và tin nhắn hứa hẹn trả tiền, lý do chậm trả tiền của bên vay Ma Văn D cho thấy cho đến nay bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay cho nguyên đơn, mặc dù bên nguyên đơn đã đòi nhiều lần. Căn cứ Điều 357 và Điều

648 Bộ Luật dân sự thì bị đơn Ma Văn D có trách nhiệm phải trả cho nguyên đơn Hà Văn N số tiền là 4.500.000 đồng và lãi suất 10% /năm đối với số tiền chậm trả kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ các phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn Ma Văn D phải trả cho nguyên đơn Hà Văn N với tổng số tiền là: 46.535.000đ (Bốn mươi sáu triệu năm trăm ba mươi năm nghìn đồng) và trả lãi suất 10%/ năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký được phân công tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì khoản vay ngày 18/4/2024 số tiền là 4.000.000đ và ngày 25/6/2024 anh D gọi điện vay 500.000đ có bản sao kê của Ngân hàng A và phía bị đơn cũng đã thừa nhận, nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với 02 khoản này.

Đối với số tiền ngày 06/4/2024 nguyên đơn mua một con ngựa giá 25.000.000đ, đã chở ngựa cho bị đơn Ma Văn D để bán nhưng D chưa trả tiền vốn cho nguyên đơn. Xét thấy, tại tin nhắn ngày 19/5/2024 bị đơn Du nhắn cho nguyên đơn Nghị (bút lục 23): Du thừa nhận đã được bán được ngựa với số tiền là 24.500.000 đồng, nhưng chưa trả Nghị do còn nợ ở chỗ khác nên D đã lấy số tiền đó trả nợ trước; nên yêu cầu này của nguyên đơn được chấp nhận.

Còn yêu cầu bị đơn trả các khoản tiền các ngày: 15/12/2023 số tiền 5.700.000đ; ngày 12/01/2024 số tiền 9.875.000đ và ngày 06/4/2024 số tiền 1.460.000đ của nguyên đơn. Thấy rằng ngoài lời khai ra, nguyên đơn không có tài liệu chứng cứ chứng minh, hai bên không có sự chốt nợ giữa những lần mua và bán hàng với nhau; chỉ có sổ tự ghi, tự lưu của nguyên đơn Hà Văn N và bị đơn cũng không thừa nhận; mọi giao dịch chỉ qua điện thoại; không có giấy tờ, không có người làm chứng. Do đó, không có căn cứ để buộc anh Ma Văn D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Nguyên đơn đối với các khoản tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 166 Bộ Luật dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; buộc bị đơn Ma Văn D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Hà Văn N với tổng số tiền là: 29.000.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo phần được Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn Ma Văn D trả tiền mà quá trình buôn bán chung bị đơn chưa trả cho nguyên đơn. Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp đòi tài sản" theo quy định khoản 2 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn Ma Văn D đã được đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, còn ông Nông Văn S người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, nguyên đơn Hà Văn N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Ma Văn D trả 46.264.000 đồng tiền buôn bán trâu, ngựa chung nhau và khoản tiền anh D vay anh N nhưng bị đơn chưa trả. Còn phía bị đơn Ma Văn D không nhất trí trả nguyên đơn số tiền trên, do quá trình mua bán, trao đổi hàng hóa đã trả đầy đủ từng lần cho nguyên đơn.

[2.1] Về yêu cầu bị đơn trả các khoản tiền, cụ thể: Ngày 15/12/2023 D bán trâu, sau khi chia nhau vốn và lãi thì vốn còn 5.700.000 đồng; ngày 12/01/2024 số tiền bán ngựa lỗ mỗi người 9.875.000 đồng và ngày 06/4/2024 số tiền bán ngựa lỗ mỗi người 1.689.000 đồng; nguyên đơn cho rằng cả ba khoản này bị đơn chưa trả cho nguyên đơn. Xét thấy, ngoài lời khai của mình ra, nguyên đơn Hà Văn N đã cung cấp các bản sao kê từ sổ ghi chép; tuy nhiên, ba khoản tiền này không được bị đơn thừa nhận; mặt khác, khi chốt sổ từng chuyến hàng trong quá trình làm ăn chung cả N, D, C và D1 không ai ký sổ xác nhận số tiền từng chuyến hàng buôn bán chung có lãi hay bị lỗ. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận ba khoản tiền làm ăn chung các ngày 15/12/2023, 12/01/2024 và ngày 06/4/2024 theo yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Đối với yêu cầu ngày 06/4/2024 nguyên đơn mua con ngựa đã chuyển cho bị đơn bán được số tiền là 24.500.000 đồng, D chưa trả tiền vốn cho nguyên đơn. Xét thấy, tại tin nhắn ngày 19/5/2024 bị đơn Du nhắn cho nguyên đơn Nghị (bút lục 23) thừa nhận đã bán hàng được số tiền 24.500.000 đồng nhưng chưa trả N; còn tại biên bản lấy khai ngày 19/11/2024 bị đơn Ma Văn D khai "… *số tiền 24.500.000 đồng trong tháng 5 tôi đã mang đi mua 02 con trâu với giá hơn 23 triệu; C chở ngựa ra nhà tôi rồi mang trâu đi bán, còn hơn 1 triệu đưa cho C; việc*

đưa tiền và trâu cho C không có chứng cứ gì chứng minh, tôi đưa trực tiếp cho C…" (Bút lục 70); nhưng sau đó bị đơn D lại khai anh Mông Văn T (người làm chứng bên bị đơn) là người chở trâu và cầm tiền cho anh C. Như vậy, cùng một sự việc mà bị đơn đã khai mâu thuẫn với lời khai của chính mình và mâu thuẫn với lời khai người làm chứng Mông Văn T, chứng tỏ bị đơn chưa trả số tiền 24.500.000 đồng cho nguyên đơn. Tại phiên toà, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 24.500.000 đồng mà bị đơn đã bán được ngựa. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn, buộc bị đơn Ma Văn D trả cho nguyên đơn số tiền 24.500.000 đồng.

[2.3] Đối với số tiền ngày 18/4/2024 N chuyển khoản cho D 4.000.000 đồng và ngày 25/6/2024 N chuyển khoản cho D 500.000 đồng, chứng minh cho việc này nguyên đơn đã cung cấp được các bản sao kê của Ngân hàng N1 chi nhánh huyện H (bút lục 58, 59). Còn bị đơn khai do không đủ tiền nên số tiền 4 triệu đã mua trâu, sau khi bán trâu đã chia nhau cả gốc và lãi, bị đơn đã trả lại khoản tiền trên cho N, ngoài ra bị đơn được nhận 500.000đ để trả tiền cước xe chở trâu nhưng không nhớ thời gian. Xét thấy, ngoài lời khai của mình ra bị đơn Du không có chứng cứ chứng minh cho việc mình đã trả tiền cho anh N hai khoản tiền nêu trên. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn, buộc bị đơn Ma Văn D trả cho nguyên đơn Hà Văn N số tiền 4.500.000 đồng.

Căn cứ vào Điều 166 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử buộc bị đơn Ma Văn D phải trả cho nguyên đơn Hà Văn N tổng cộng số tiền là (24.500.000đ + 4.500.000) **29.000.000đ** (Hai mươi chín triệu đồng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn trả khoản tiền lãi đối với các khoản tiền mà bị đơn chưa trả được cho nguyên đơn; xét thấy, sự tự nguyện này của nguyên đơn không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Xét quan điểm đề nghị giải quyết nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần được chấp nhận. Còn ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn được chấp nhận một phần.

[4] Về án phí:

- Nguyên đơn phải chịu án phí phần không được chấp nhận; tuy nhiên, anh Hà Văn N sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án, Hội đồng xét xử xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn Hà Văn N.

- Bị đơn Ma Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp vào ngân sách Nhà nước quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 91; Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 105, Điều 115, Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Ma Văn D phải trả cho nguyên đơn Hà Văn N trú tại xóm B, xã V, huyện H, tỉnh Cao Bằng số tiền là **29.000.000đ** (Hai mươi chín triệu đồng).

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu bị đơn chậm thanh toán sẽ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và theo quy định của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTPngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

2. Về án phí:

- Nguyên đơn Hà Văn N được miễn án phí phần yêu cầu không được Toà án chấp nhận.

- Bị đơn Ma Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 1.450.000đ (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Tô Văn C có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Ma Văn D, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hà Văn D1 có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TA tỉnh;
- VKS tỉnh, huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu án văn; lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phùng Thị Mến